

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM
BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1000/KH-ĐHNLBG-HĐT

Bắc Giang, ngày 04 tháng 9 năm 2019

KẾ HOẠCH THI VÀ DANH SÁCH PHÒNG THI
Kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Trung Quốc) bậc 2
dành cho sinh viên, đợt thi ngày 08 tháng 9 năm 2019

I. KẾ HOẠCH THI

Ngày	Buổi	Môn thi/ Kỹ năng thi	Phòng thi	Địa điểm	Thời gian làm bài	Thời gian thí sinh có mặt
Chủ nhật 08/9/2019	Sáng	Tiếng Anh - Đọc và Viết - Nghe	01	Phòng máy tính 01 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1)	- Đọc và Viết: 70 phút - Nghe: 30 phút	7h00'
		Tiếng Trung Quốc - Đọc - Nghe	02	Phòng máy tính 02 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 2, Nhà B1)	- Đọc: 22 phút - Nghe: 28 phút	
		Tiếng Anh (Nói)	01	1. Phòng thí sinh chuẩn bị: Phòng học lý thuyết 01 (tầng 3, Nhà B1) 2. Phòng vấn đáp: Phòng thực hành Khoa Kinh tế - Tài chính (tầng 3, Nhà B1)	- Thời gian chuẩn bị: 5 phút - Thời gian hội thoại: 8-10 phút	9h45'



II. KẾ HOẠCH CHI TIẾT

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THỜI GIAN (Sáng Chủ nhật 08/9/2019)	CHỦ TRÌ
1	Họp HĐT phân công nhiệm vụ	6:45 - 7:00	Chủ tịch HĐ
2	Sinh hoạt quy chế/ nội qui phòng thi.	7:00 - 7:15	Thư ký HĐ
3	- Đánh số báo danh, - Gọi thí sinh vào phòng thi, kiểm tra Phiếu dự thi, đính chính thông tin sai sót của thí sinh trên phiếu dự thi. - Hướng dẫn thí sinh ghi các thông tin trên Đề thi và Phiếu trả lời	7:15 - 7:45	Cán bộ coi thi 1
4	Nhận đề thi tại phòng Hội đồng	7:45 - 7:50	Cán bộ coi thi 1
5	Bóc, phát đề thi	7:50 - 8:00	Cán bộ coi thi
6	Bắt đầu tính thời gian làm bài thi - Đọc và Viết, Nghe (Tiếng Anh) - Đọc, Nghe (Tiếng Trung Quốc)	Tiếng Anh 8:00 (Đọc và Viết) 9:10 (Nghe) Tiếng Trung Quốc 8:00 (Đọc) 8:22 (Nghe)	Cán bộ coi thi
7	Thu bài thi - Đọc và Viết, Nghe (Tiếng Anh) - Đọc, Nghe (Tiếng Trung Quốc)	Tiếng Anh: 9:40 Tiếng Trung Quốc: 8:50	Cán bộ coi thi
8	Bắt đầu tính thời gian làm bài thi Nói (tiếng Anh)	10:00	
9	Nộp bài thi, biên bản phòng thi tại phòng Hội đồng	Ngay sau khi hoàn thành nhiệm vụ tại phòng thi	Cán bộ coi thi và Ban thư ký
	Họp tổng kết coi thi tại phòng Hội đồng	Ngay sau khi kết thúc các nhiệm vụ	Chủ tịch HĐ

III. DANH SÁCH PHÒNG THI

(Xem danh sách phòng thi chi tiết đính kèm)



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

T.S. Nguyễn Tuấn Điệp

DANH SÁCH SINH VIÊN THI TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG A2 THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU

Kỳ thi ngày 08 tháng 9 năm 2019

Phòng thi: 01



TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Thi ĐỌC và VIẾT, NGHE		Thi NÓI		
									Thời gian thi	Địa điểm thi	Thời gian thi	Phòng chuẩn bị	Phòng văn đáp
1	TA01	Vũ Tú	Anh	15/7/1997	Bắc Ninh	Nam	C-THUY17A	16CTY0055	07h00'	PMNNTTH01	09h45'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
2	TA02	Phạm Vũ Minh	Châu	14/4/1997	Hung Yên	Nữ	D-CNTP5A	15DCNTP0210	07h00'	PMNNTTH01	09h45'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
3	TA03	Nguyễn Văn	Hải	29/8/1997	Hà Giang	Nam	D-QLTN5A	15DQLTN0318	07h00'	PMNNTTH01	09h45'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
4	TA04	Nguyễn Thị	Hạnh	21/8/1996	Nam Định	Nữ	D-THUY5B	15DTY0339	07h00'	PMNNTTH01	09h45'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
5	TA05	Dương Ngô	Hoàng	07/9/1998	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN6A	16DKT0340	07h00'	PMNNTTH01	09h45'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
6	TA06	Nghiêm Xuân	Hùng	13/12/1997	Bắc Giang	Nam	C-THUY16A	15CTY0038	07h00'	PMNNTTH01	09h45'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
7	TA07	Nguyễn Văn	Huy	01/8/1997	Bắc Giang	Nam	D-QLDD5A	15DQLDD0422	07h00'	PMNNTTH01	09h45'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
8	TA08	Nguyễn Thị	Huyền	18/02/1998	Hà Nội	Nữ	D-THUY6B	16DTY0472	07h00'	PMNNTTH01	09h45'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
9	TA09	Trần Văn	Lâm	19/11/1997	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0294	07h00'	PMNNTTH01	09h45'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
10	TA10	Trần Đình	Long	01/11/1998	Hà Nội	Nam	D-THUY6B	16DTY0480	07h00'	PMNNTTH01	09h45'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
11	TA11	Ngô Thị	Ly	14/01/1997	Bắc Ninh	Nữ	D-KINHTE5A	15DKT0007	07h00'	PMNNTTH01	09h45'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
12	TA12	Dương Văn	Lý	30/8/1997	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0298	07h00'	PMNNTTH01	09h45'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
13	TA13	Phản Lữ	Mây	15/9/1997	Lào Cai	Nữ	D-THUY5A	15DTY0300	07h00'	PMNNTTH01	09h45'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
14	TA14	Đào Như	Ngọc	22/12/1996	Hòa Bình	Nam	D-CNSH5A	15DCNSH0035	07h00'	PMNNTTH01	09h45'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
15	TA15	Nguyễn Văn	Phúc	30/01/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY4B	14DTY0205	07h00'	PMNNTTH01	09h45'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
16	TA16	Dương Thời	Quyết	06/12/1997	Lạng Sơn	Nam	C-THUY16A	15CTY0047	07h00'	PMNNTTH01	09h45'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
17	TA17	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	12/6/1997	Bắc Giang	Nữ	D-KINHTE5A	15DKT0011	07h00'	PMNNTTH01	09h45'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
18	TA18	Lò Văn	Thắng	12/4/1996	Lai Châu	Nam	D-THUY4B	14DTY0209	07h00'	PMNNTTH01	09h45'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
19	TA19	Dương Quốc	Thiện	20/01/1998	Bắc Giang	Nam	C-THUY17A	16CTY0088	07h00'	PMNNTTH01	09h45'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
20	TA20	Nguyễn Thị	Tinh	28/6/1996	Bắc Giang	Nữ	D-CHANNUOI5A	15DCN0103	07h00'	PMNNTTH01	09h45'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
21	TA21	Dương Văn	Toàn	08/3/1995	Bắc Giang	Nam	D-QLDD5A	15DQLDD0434	07h00'	PMNNTTH01	09h45'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
22	TA22	Nguyễn Đức	Trung	30/12/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6B	16DTY0513	07h00'	PMNNTTH01	09h45'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC

Danh sách trên gồm 22 thí sinh./.

Chú thích: PMKTTC (Phòng máy tính Khoa Kinh tế - tài chính, tầng 3 - nhà B1)

PMNNTTH01: Phòng máy tính 01 trung tâm Ngoại ngữ - Tin học

[Handwritten signature]

DANH SÁCH SINH VIÊN THI TIẾNG TRUNG QUỐC BẬC 2

Kỳ thi ngày 08 tháng 9 năm 2019

Phòng thi: 02

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Thi ĐỌC và NGHE	
									Thời gian thi	Địa điểm thi
1	TQ01	Ngô Thị	An	17/09/1998	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP6A	16DCNTP0129	07h00'	PMNNTH02
2	TQ02	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	08/04/1998	Lạng Sơn	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0328	07h00'	PMNNTH02
3	TQ03	Nguyễn Thị	Bắc	18/12/1998	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6A	16DTY0393	07h00'	PMNNTH02
4	TQ04	Vũ Thị	Bích	22/08/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0329	07h00'	PMNNTH02
5	TQ05	Nguyễn Thị Thanh	Duyên	18/01/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KINHTE6A	16DKT0016	07h00'	PMNNTH02
6	TQ06	Chu Thị	Hào	01/08/1998	Ninh Bình	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0336	07h00'	PMNNTH02
7	TQ07	Nguyễn Văn	Hoàng	24/10/1996	Hòa Bình	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0014	07h00'	PMNNTH02
8	TQ08	Hoàng Thị	Huệ	27/06/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0341	07h00'	PMNNTH02
9	TQ09	Đoàn Thị	Hường	04/02/1998	Hung Yên	Nữ	D-THUY6A	16DTY0415	07h00'	PMNNTH02
10	TQ10	Chu Thị	Kim	16/11/1999	Lạng Sơn	Nữ	D-KHCT7A	17DKHCT0125	07h00'	PMNNTH02
11	TQ11	Âu Thùy	Na	07/07/1999	Lạng Sơn	Nữ	D-KHCT7A	17DKHCT0131	07h00'	PMNNTH02
12	TQ12	Nguyễn Thanh	Ngà	07/6/1993	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0353	07h00'	PMNNTH02
13	TQ13	Nguyễn Thị Kim	Ngân	16/11/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0355	07h00'	PMNNTH02
14	TQ14	Trần Văn	Sơn	27/10/1998	Hà Nam	Nam	D-THUY6C	16DTY0497	07h00'	PMNNTH02
15	TQ15	Nguyễn Bình	Thảo	24/10/1998	Bắc Ninh	Nam	D-CNTY6A	164CNTY0035	07h00'	PMNNTH02
16	TQ16	Chu Văn	Thế	20/06/1998	Lạng Sơn	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0036	07h00'	PMNNTH02
17	TQ17	Nguyễn Thị Kim	Thoa	27/02/1998	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6B	16DTY0503	07h00'	PMNNTH02
18	TQ18	Nguyễn Văn	Thùy	26/5/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6B	16DTY0505	07h00'	PMNNTH02
19	TQ19	Lê Ngọc Minh	Tiến	31/12/1998	Hung Yên	Nam	D-THUY6B	16DTY0506	07h00'	PMNNTH02
20	TQ20	Bùi Thị Tú	Uyên	01/12/1998	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6B	16DTY0517	07h00'	PMNNTH02

Danh sách trên gồm 20 thí sinh./.

Chú thích: PMNNTH02: Phòng máy tính 02 trung tâm Ngoại ngữ - Tin học